

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 5 – 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Trinh

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Phong.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S

Sinh ngày: 06 – 02 – 1979; Địa chỉ: Thôn V, xã Kh, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Có mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Đình D

Sinh ngày: 02 – 9 – 1976; Địa chỉ: Thôn V, xã Kh, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày thống nhất của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S và bị đơn là anh Trịnh Đình D, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do chị S giao nộp gồm: Trích lục kết hôn giữa chị và anh D, bản sao Sổ hộ khẩu của gia đình chị S

- anh D, trích lục khai sinh hai cháu Trịnh Sơn C và Trịnh Sơn N đủ cơ sở xác định nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn cùng anh Trịnh Đình D trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 02 – 7 – 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên tranh chấp, cãi vã do quan điểm sống không hợp, không có tiếng nói chung, anh D thỉnh thoảng say rượu và đánh đập vợ. Giữa năm 2014, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên chị S đã bỏ nhà vào thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh làm nghề giúp việc gia đình sinh sống, ly thân với anh D.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Sơn C, sinh ngày 26 – 9 – 2004 và Trịnh Sơn N, sinh ngày: 16 – 10 – 2006. Sau khi chị S bỏ nhà đi, hai cháu ở với anh D, thỉnh thoảng chị S vẫn quay về thăm nom, mua quà bánh, nộp học phí cho các con. Anh D làm nghề nông, nghề phụ là đi biển đánh cá thu nhập mỗi tháng khoảng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ, còn chị S đang đi làm giúp việc gia đình, lương mỗi tháng từ 3.000.000đ đến 4.000.000đ.

Chị S yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Sơn N và giao cháu Trịnh Sơn C cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, chị S không yêu cầu Tòa án phân chia.

Anh D không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không níu kéo chị S đoàn tụ. Theo ý kiến của anh D, trường hợp Tòa án xử vợ chồng ly hôn anh D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con mà không yêu cầu chị S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh, không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Hai cháu Trịnh Sơn C và Trịnh Sơn N trong đơn gửi đến Tòa án và tại phiên tòa trình bày nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn vì lý do hai cháu sinh sống với bố từ khi mẹ bỏ đi đến nay đã quen không muốn thay đổi.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị S về việc ly hôn với anh Trịnh Đình D.

- Giao hai cháu Trịnh Sơn C, Trịnh Sơn N cho anh Trịnh Đình D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trịnh Đình D.
- Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Sau khi kết hôn được một thời gian đời sống chung vợ chồng chị S và anh D không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vã, không tôn trọng nhau. Anh D thường uống rượu và đánh đập vợ nên chị S bỏ nhà đi làm thuê từ giữa năm 2014 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, vợ chồng hoàn toàn cắt đứt liên lạc. Anh D mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng thể hiện thái độ nếu chị S không quay về đoàn tụ với chồng con thì anh cũng không níu kéo. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng chị S nhất quyết không đoàn tụ. Do đó xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn phương ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

[2]. Về con: Xét điều kiện, hoàn cảnh, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của mỗi người thấy: Hiện nay chị S đang đi làm giúp việc tại thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh không có nơi ở ổn định, thu nhập thấp, thời gian rảnh rỗi ít, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hạn chế. Còn anh D có nơi cư trú và nghề nghiệp ổn định, thu nhập khá, điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn so với chị S. Từ giữa năm 2014 chị S bỏ đi, hai cháu Trịnh Sơn C và Trịnh Sơn N sinh sống với anh D đã quen và ổn định. Hiện nay hai cháu đang ở độ tuổi mới lớn và đều có nguyện vọng được ở với anh D, nếu nguyện vọng của hai cháu không được đáp ứng thì rất dễ dẫn đến những tổn thương tâm lý và xảy ra những hành động khó lường của hai cháu. Do đó căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao hai cháu Trịnh Sơn C và Trịnh Sơn N cho anh Trịnh Đình D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập cho hai cháu và đảm bảo phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, tránh việc các cháu có những hành động tiêu cực khó lường. Anh D không yêu cầu chị S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, miễn xét.

[3]. Về tài sản: Chị S và anh D không yêu cầu Tòa án phân chia, miễn xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa

án kèm theo thì chị S là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng khấu trừ cho chị S 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị S và anh D có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Điều 147, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

+ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị S về việc ly hôn với anh Trịnh Đình Đĩnh.

- Giao hai cháu Trịnh Sơn C, sinh ngày 26 – 9 – 2004 và Trịnh Sơn N, sinh ngày 16 – 10 – 2006 cho anh Trịnh Đình D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom các con chung, anh Trịnh Đình D và các thành viên trong gia đình anh Trịnh Đình D không được ngăn cản, cản trở.

Chị Nguyễn Thị S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh Trịnh Đình D.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005218 ngày 22 – 3 – 2018. Tiền án phí chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị S và anh Trịnh Đình D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị S;
- Bị đơn: Anh D;
- VKSND huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA DS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Khang, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

Hoàng Ngọc Tùng